ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 48/2017/TB-LPQT ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư về đường biên giới và mốc quốc giới giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào"

(Tiếp theo Công báo số 1015 + 1016)

PHỤ LỤC 2

Đính kèm

NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VÀ MỐC QUỐC GIỚI GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC QUỐC GIỚI

TẬP 1

TỪ MỐC GIỚI SỐ 1 ĐẾN MỐC GIỚI SỐ 402

ỦY BAN LIÊN HỢP CẮM MỐC BIÊN GIỚI VIỆT NAM - LÀO
NĂM 2016

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 283

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 01 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
714,68</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 283 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 268 060,03
442 619,10</td><td rowspan="2">20°30'37,429"
104°26'58,789"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
713,48</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 282 đến mốc giới số 283 là 252°21'28"; khoảng cách là 2903,21m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 283 đến mốc giới số 284 là 264°54'37"; khoảng cách là 1179,08m.</td><td colspan="3"> 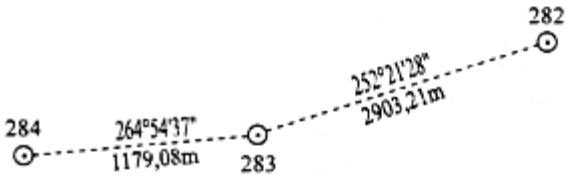
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 284

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 01 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
984,31</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 284 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 267 955,43
441 444,67</td><td rowspan="2">20°30'33,897"
104°26'18,253"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
983,11</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 283 đến mốc giới số 284 là 264°54'37"; khoảng cách là 1179,08m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 284 đến mốc giới số 285 là 226°37'39"; khoảng cách là 3072,46m.</td><td colspan="3"> 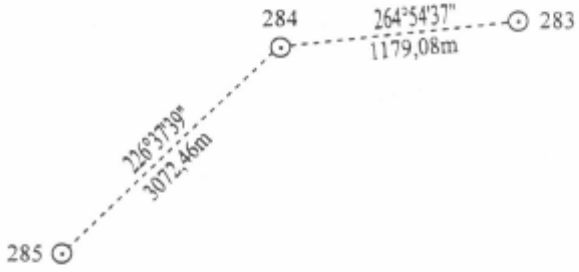
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 285

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 3 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
931,19</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 285 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 265 845,45
439 211,29</td><td rowspan="2">20°29'25,008"
104°25'01,404"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
929,99</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 284 đến mốc giới số 285 là 226°37'39"; khoảng cách là 3072,46m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 285 đến mốc giới số 286 là 268°20'01"; khoảng cách là 1425,14m.</td><td colspan="3"> 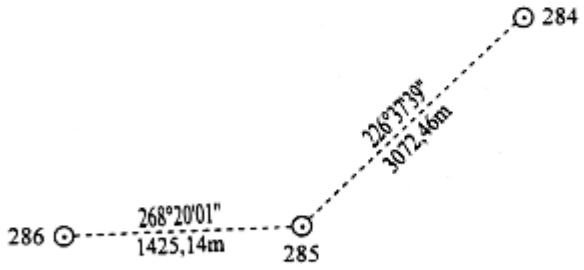
</td></tr>
</table>

335

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 286

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
925,80</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 286 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 265 804,01
437 786,75</td><td rowspan="2">20°29'23,492"
104°24'12,232"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
924,60</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 285 đến mốc giới số 286 là 268°20'01"; khoảng cách là 1425,14m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 286 đến mốc giới số 287 là 263°23'53"; khoảng cách là 1692,78m.</td><td colspan="3"> 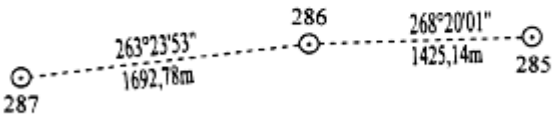
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 287

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 4 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1184,71</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 287 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 265 609,39
436 105,20</td><td rowspan="2">20°29'16,960"
104°23'14,208"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1183,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 286 đến mốc giới số 287 là 263°23'53"; khoảng cách là 1692,78m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 287 đến mốc giới số 288 là 165°29'18"; khoảng cách là 1222,53m.</td><td colspan="3"> 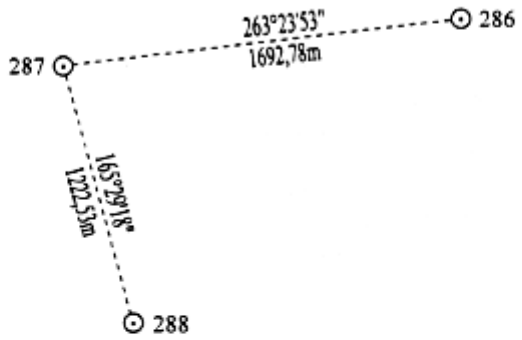
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 288

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1076,50</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 288 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 264 425,86
436 411,54</td><td rowspan="2">20°28'38,499"
104°23'24,935"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1075,30</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 287 đến mốc giới số 288 là 165°29'18"; khoảng cách là 1222,53m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 288 đến mốc giới số 289 là 239°59'16"; khoảng cách là 1553,75m.</td><td colspan="3"> 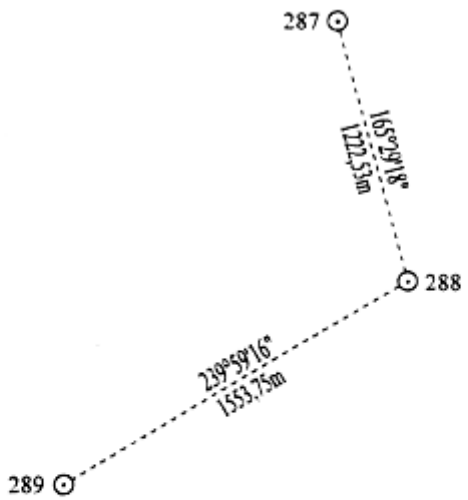
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 289

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 4 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1195,39</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 289 cắm trên đỉnh núi Long, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 263 648,70
435 066,12</td><td rowspan="2">20°28'13,054"
104°22'38,595"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1194,19</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 288 đến mốc giới số 289 là 239°59'16"; khoảng cách là 1553,75m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 289 đến mốc giới số 290 là 191°04'04"; khoảng cách là 787,41m.</td><td colspan="3"> 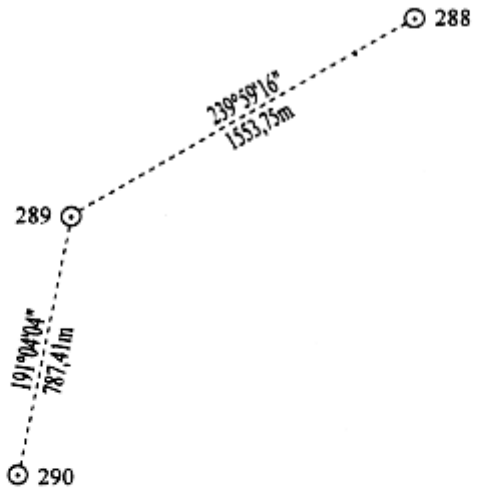
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 290

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 4 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
993,94</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 290 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 262 875,94
434 914,96</td><td rowspan="2">20°27'47,899"
104°22'33,479"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
992,74</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 289 đến mốc giới số 290 là 191°04'04"; khoảng cách là 787,41m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 290 đến cọc dấu số 290/1 là 136°18'37"; khoảng cách là 277,05m.</td><td colspan="3"> 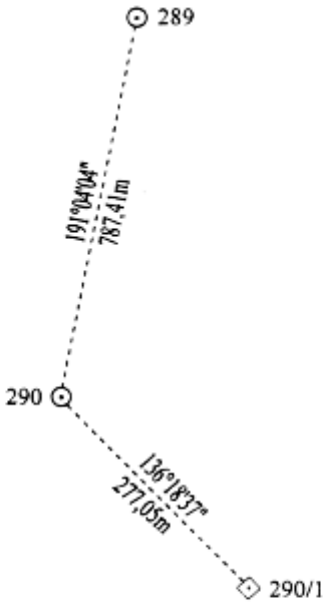
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 290/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1027,84</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 290/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 262 675.61
435 106.33</td><td rowspan="2">20°27'41,406"
104°22'40,111"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1026,84</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 290 đến cọc dấu số 290/1 là 136°18'37"; khoảng cách là 277,05m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 290/1 đến mốc giới số 291 là 164°29'42"; khoảng cách là 1578,37m.</td><td colspan="3"> 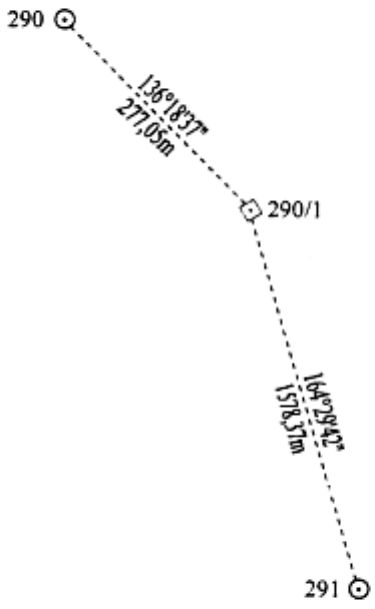
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 291

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1108,44</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 291 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 261 154,68
435 528,26</td><td rowspan="2">20°26'51.985"
104°22'54,871"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1107,24</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 290/1 đến mốc giới số 291 là 164°29'42"; khoảng cách là 1578,37m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 291 đến mốc giới số 292 là 130°17'54"; khoảng cách là 1212,75m.</td><td colspan="3"> 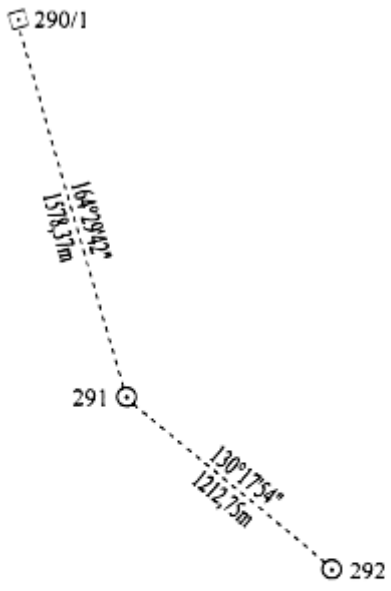
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 292

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1116,99</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 292 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 260 370,31
436 453,21</td><td rowspan="2">20°26'26,583"
104°23'26,894"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1115,79</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 291 đến mốc giới số 292 là 130°17'54"; khoảng cách là 1212,75m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 292 đến mốc giới số 293 là 122°11'38"; khoảng cách là 2948,76m.</td><td colspan="3"> 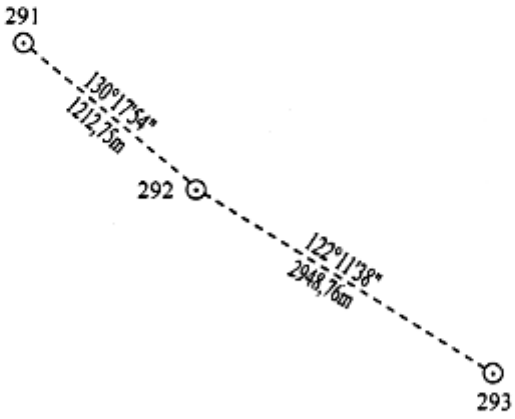
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 293

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1033.48</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 293 cắm trên yên ngựa, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 258 799,25
438 948,60</td><td rowspan="2">20°25'35,774"
104°24'53,204"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1032,28</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 292 đến mốc giới số 293 là 122°11'38"; khoảng cách là 2948,76m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 293 đến cột mốc số 294(1) là 207°41'00"; khoảng cách là 1864,73m.</td><td colspan="3"> 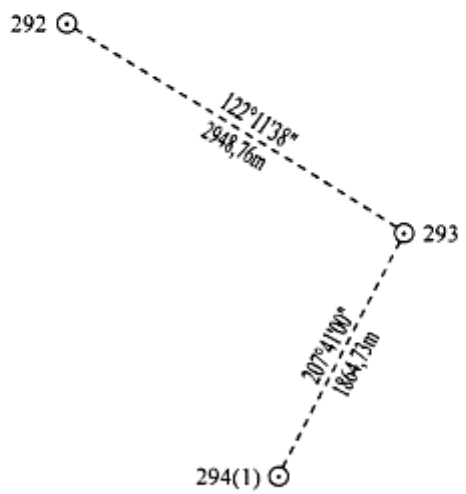
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 294(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
402,22</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 294(1) cắm cạnh đường giao thông, bên bờ suối Ái phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 294(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 294(2) là 18,71m.
Khoảng cách từ cột mốc số 294(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 294(1) là 39,09m.</td><td rowspan="2">2 257 147,98
438 082.28</td><td rowspan="2">20°24'41,959"
104°24'23,515"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
400,72</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 293 đến cột mốc số 294(1) là 207°41'00"; khoảng cách là 1864,73m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294(1) đến cột mốc số 294(2) là 265°35'04"; khoảng cách là 57,80m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294(1) đến mốc giới số 295 là 179°32'30"; khoảng cách là 2138,08m.</td><td colspan="3"> 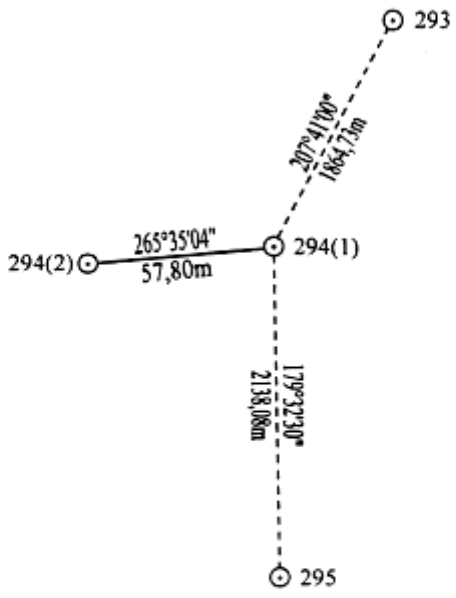
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 294(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
404,78</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 294(2) cắm cạnh đường giao thông, bên bờ suối Ái phía Lào.
Khoảng cách từ cột mốc số 294(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 294(2) là 18,71m;
Khoảng cách từ cột mốc số 294(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 294(1) là 39,09m.</td><td rowspan="2">2 257 143,53
438 024,65</td><td rowspan="2">20°24'41,808"
104°24'21,527"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
403,28</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 293 đến cột mốc số 294(2) là 209°09'47"; khoảng cách là 1896,07m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294(1) đến cột mốc số 294(2) là 265°35'04"; khoảng cách là 57,80m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294(2) đến mốc giới số 295 là 177°59'38"; khoảng cách là 2134,87m.</td><td colspan="3"> 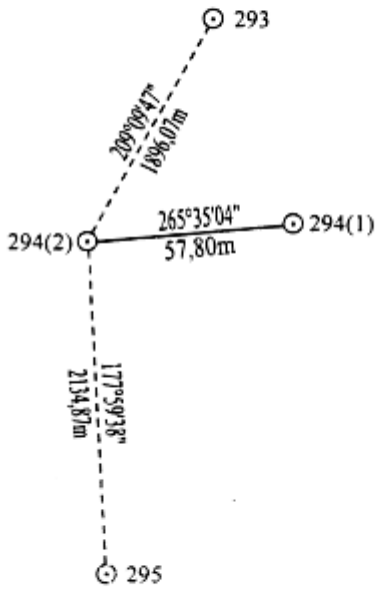
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 295

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 12 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
893,42</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 295 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 255 009,97
438 099,38</td><td rowspan="2">20°23'32,414"
104°24'24,372"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
892,22</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 294(2) đến mốc giới số 295 là 177°59'38"; khoảng cách là 2134,87m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 295 đến mốc giới số 296 là 138°36'24"; khoảng cách là 2376,74m.</td><td colspan="3"> 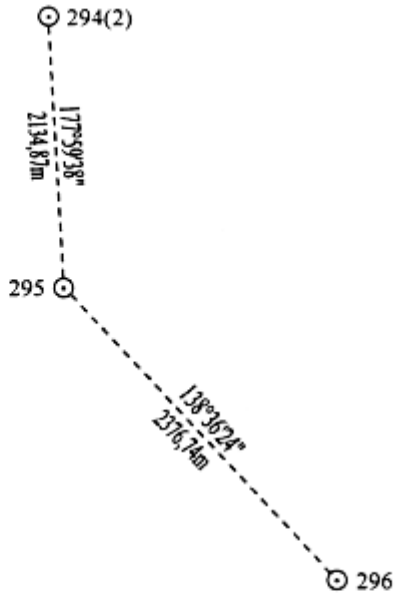
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 296

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
950.46</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 296 cắm trên sống núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 253 226,97
439 670,94</td><td rowspan="2">20°22'34,597"
104°25'18,806"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
949,26</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 295 đến mốc giới số 296 là 138°36'24"; khoảng cách là 2376,74m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 296 đến mốc giới số 297 là 92°20'36"; khoảng cách là 1681,54m.</td><td colspan="3"> 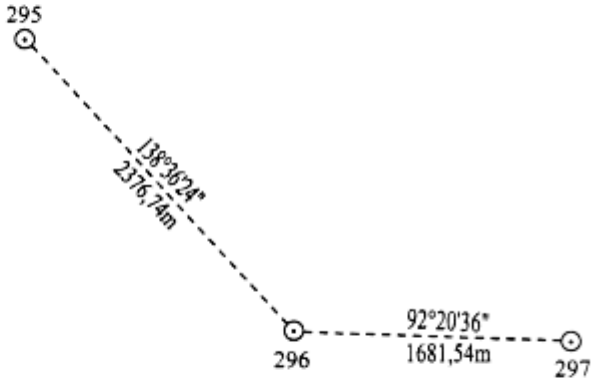
</td></tr>
</table>

348

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 297

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
905,56</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 297 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 253 158,22
441 351,07</td><td rowspan="2">20°22'32,550"
104°26'16,772"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
904,36</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 296 đến mốc giới số 297 là 92°20'36"; khoảng cách là 1681,54m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 297 đến mốc giới số 298 là 65°34'16"; khoảng cách là 1050,29m.</td><td colspan="3"> 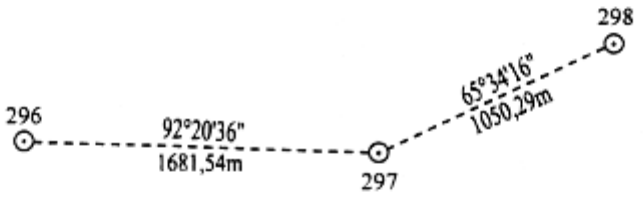
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 298

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
990,13</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 298 cắm trên đỉnh núi Phà Viêng, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 253 592,58
442 307,33</td><td rowspan="2">20°22'46,784"
104°26'49,709"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
988,93</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 297 đến mốc giới số 298 là 65°34'16"; khoảng cách là 1050,29m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 298 đến mốc giới số 299 là 110°41'06"; khoảng cách là 2140,20m.</td><td colspan="3"> 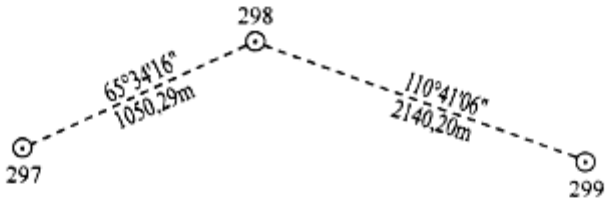
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 299

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
924,89</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 299 cắm trên đỉnh núi. nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 252 836,60
444 309,57</td><td rowspan="2">20°22'22,408"
104°27'58,865"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
923,69</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 298 đến mốc giới số 299 là 110°41'06"; khoảng cách là 2140,20m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 299 đến mốc giới số 300 là 90°25'23"; khoảng cách là 1795,29m.</td><td colspan="3"> 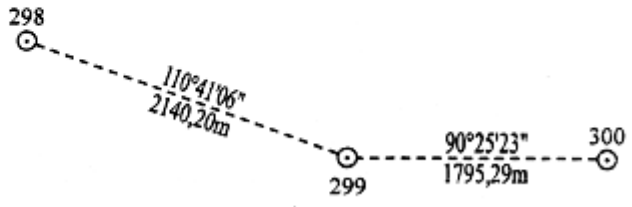
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 300

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
980,00</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 300 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 252 823,34
446 104,81</td><td rowspan="2">20°22'22,163"
104°29'00,795"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
978,80</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 299 đến mốc giới số 300 là 90°25'23"; khoảng cách là 1795,29m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 300 đến mốc giới số 301 là 50°07'28"; khoảng cách là 1534,18m.</td><td colspan="3"> 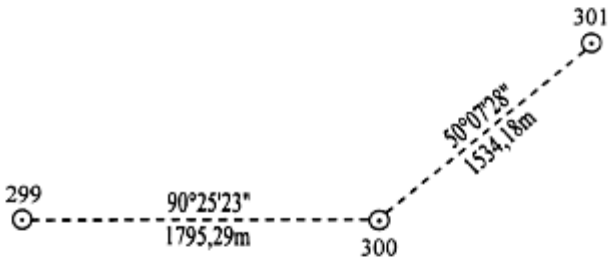
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 301

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 5 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1063.05</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 301 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 253 806,94
447 282,20</td><td rowspan="2">20°22'54,277"
104°29'41,305"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1061.85</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 300 đến mốc giới số 301 là 50°07'28"; khoảng cách là 1534,18m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 301 đến mốc giới số 302 là 77°17'46"; khoảng cách là 2058,19m.</td><td colspan="3"> 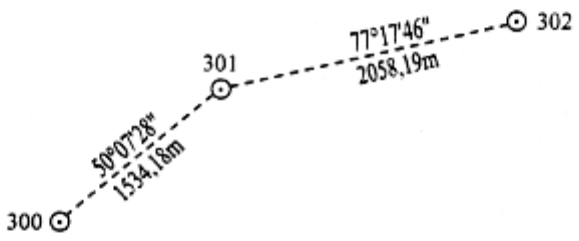
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 302

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 7 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1224,69</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 302 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td>2 254 259,56
449 290,01</td><td>20°23'09,198"
104°30'50,523"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20

Độ cao mặt đất
(m)
1223,49</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 301 đến mốc giới số 302 là 77°17'46"; khoảng cách là 2058,19m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 302 đến mốc giới số 303 là 49°54'11"; khoảng cách là 1610,41m.</td><td colspan="3"> 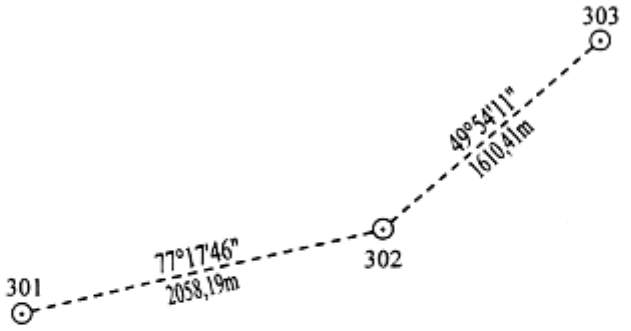
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 303

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1256,52</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 303 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 255 296,80
450 521,90</td><td rowspan="2">20°23'43,056"
104°31'32,919"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1255,32</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 302 đến mốc giới số 303 là 49°54'11"; khoảng cách là 1610,41m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 303 đến mốc giới số 304 là 04°07'07"; khoảng cách là 1978,83m.</td><td colspan="3"> 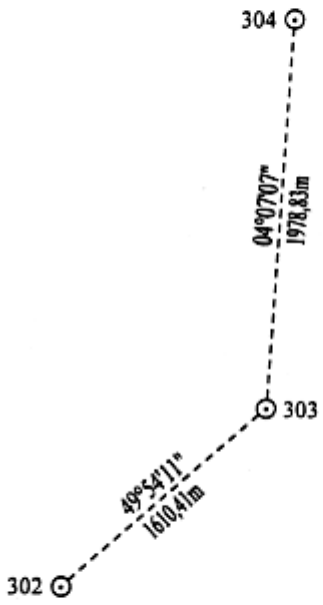
</td></tr>
</table>

355

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 304

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 7 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1888.25</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B. L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 304 cắm trên đỉnh núi Po Lậu 2. nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 257 270,52
450 664,02</td><td rowspan="2">20°24'47,273"
104°31'37,626"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1886,75</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 303 đến mốc giới số 304 là 04°07'07"; khoảng cách là 1978,83m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 304 đến mốc giới số 305 là 99°57'20"; khoảng cách là 2564,53m.</td><td colspan="3"> 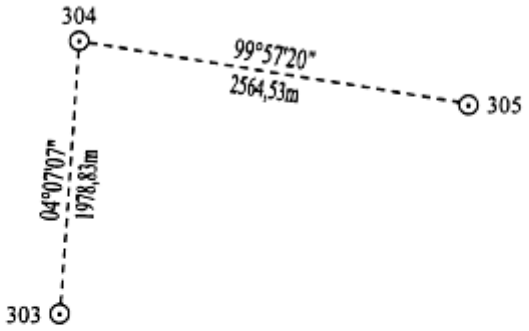
</td></tr>
</table>

356

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 305

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1597,28</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 305 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 256 827,16
453 189,93</td><td rowspan="2">20°24'33,082"
104°33'04,824"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1596,08</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 304 đến mốc giới số 305 là 99°57'20"; khoảng cách là 2564,53m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 305 đến mốc giới số 306 là 77°40'34"; khoảng cách là 2767,06m.</td><td colspan="3"> 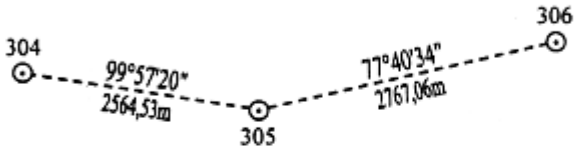
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 306

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 11 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1783,45</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 306 cắm trên đỉnh núi Tai Nảo, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 257 417,76
455 893,23</td><td rowspan="2">20°24'52,527"
104°34'38,047"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1782,25</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 305 đến mốc giới số 306 là 77°40'34"; khoảng cách là 2767,06m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 306 đến mốc giới số 307 là 77°33'23"; khoảng cách là 3183,87m.</td><td colspan="3"> 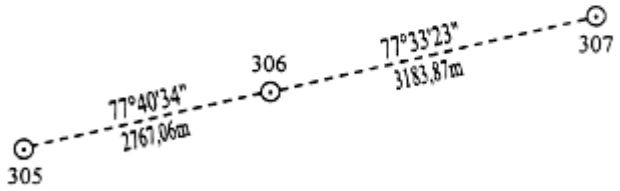
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 307

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 11 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1807,41</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 307 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 258 103,82
459 002,31</td><td rowspan="2">20°25'15,095"
104°36'25,271"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1806,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 306 đến mốc giới số 307 là 77°33'23"; khoảng cách là 3183,87m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 307 đến mốc giới số 308 là 12°37'12"; khoảng cách là 2906,94m.</td><td colspan="3"> 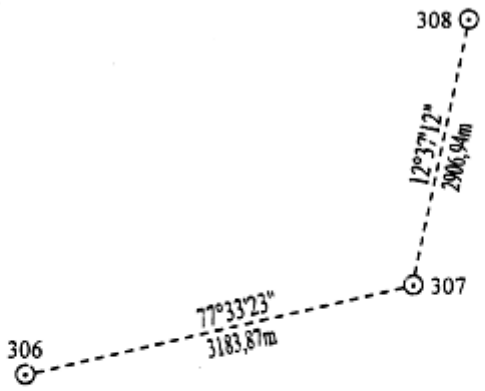
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 308

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 11 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1587,12</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 308 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 260 940,53
459 637,43</td><td rowspan="2">20°26'47,422"
104°36'46,956"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1585,92</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 307 đến mốc giới số 308 là 12°37'12"; khoảng cách là 2906,94m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 308 đến mốc giới số 309 là 39°45'11"; khoảng cách là 1992,27m.</td><td colspan="3"> 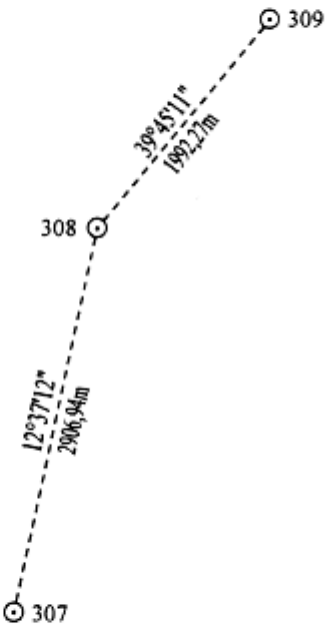
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 309

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 11 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1092,75</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 309 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 262 472,20
460 911,45</td><td rowspan="2">20°27'37,342"
104°37'30,805"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1091,55</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 308 đến mốc giới số 309 là 39°45'11"; khoảng cách là 1992,27m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 309 đến cọc dấu số 309/1 là 66°51'39"; khoảng cách là 1527,87m.</td><td colspan="3"> 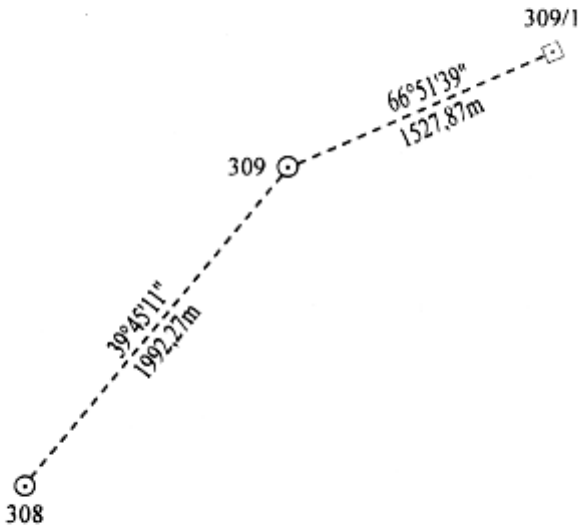
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 309/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1254,62</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 309/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 263 072,60
462 316,41</td><td rowspan="2">20°27'56,976"
104°38'19,253"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1253,62</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 309 đến cọc dấu số 309/1 là 66°51'39"; khoảng cách là 1527,87m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 309/1 đến mốc giới số 310 là 61°15'19"; khoảng cách là 595,94m.</td><td colspan="3"> 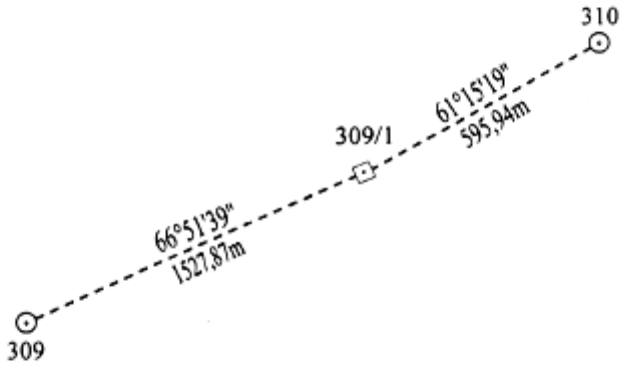
</td></tr>
</table>

362

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 310

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 8 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1273,31</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 310 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 263 359,19
462 838,91</td><td rowspan="2">20°28'06,336"
104°38'37,266"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1272,11</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 309/1 đến mốc giới số 310 là 61°15'19"; khoảng cách là 595,94m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 310 đến cọc dấu số 310/1 là 75°55'32"; khoảng cách là 1725,63m.</td><td colspan="3"> 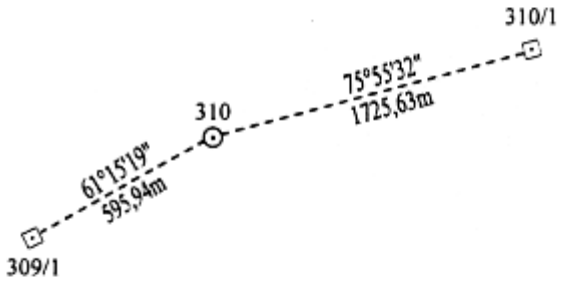
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 310/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
767,54</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 310/1 cắm trên sườn núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 263 778.83
464 512,74</td><td rowspan="2">20°28'20,102"
104°39'35,013"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
766,54</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 310 đến cọc dấu số 310/1 là 75°55'32"; khoảng cách là 1725,63m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 310/1 đến mốc giới số 311 là 176°42'15"; khoảng cách là 208,20m.</td><td colspan="3"> 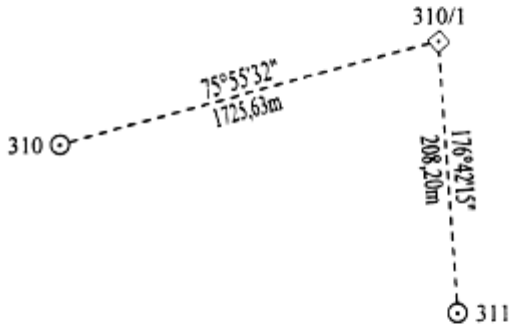
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 311

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 10 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
639,71</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 311 cắm trên sườn núi. cạnh đường giao thông, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 263 570,97
464 524,71</td><td rowspan="2">20°28'13,342"
104°39'35,441"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
638,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 310/1 đến mốc giới số 311 là 176°42'15"; khoảng cách là 208,20m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 311 đến cọc dấu số 311/1 là 90°29'11"; khoảng cách là 577,07m.</td><td colspan="3"> 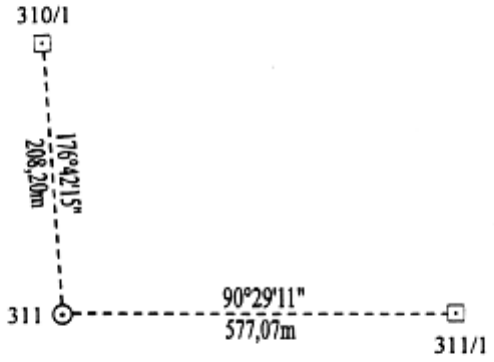
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 311/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
701,69</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 311/1 cắm trên sườn núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 263 566,07
465 101,76</td><td rowspan="2">20°28'13,221"
104°39'55,360"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
700,69</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 311 đến cọc dấu số 311/1 là 90°29'11"; khoảng cách là 577,07m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 311/1 đến mốc giới số 312 là 107°02'30"; khoảng cách là 343,74m.</td><td colspan="3"> 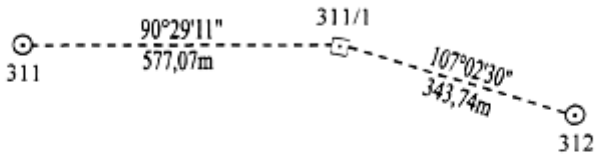
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 312

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 7 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
806,31</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 312 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 263 465,33
465 430,41</td><td rowspan="2">20°28'09,966"
104°40'06,712"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
805,11</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 311/1 đến mốc giới số 312 là 107°02'30"; khoảng cách là 343,74m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 312 đến mốc giới số 313 là 208°27'51"; khoảng cách là 1248,15m.</td><td colspan="3"> 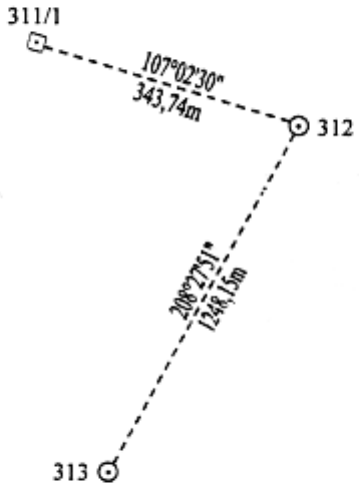
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 313

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 8 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1146,62</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 313 cắm trên sống núi Pá Khổm, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 262 368,06
464 835,53</td><td rowspan="2">20°27'34,232"
104°39'46,255"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>. Độ cao mặt đất
(m)
1145,42</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 312 đến mốc giới số 313 là 208°27'51"; khoảng cách là 1248,15m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 313 đến mốc giới số 314 là 136°16'42"; khoảng cách là 2005,06m.</td><td colspan="3"> 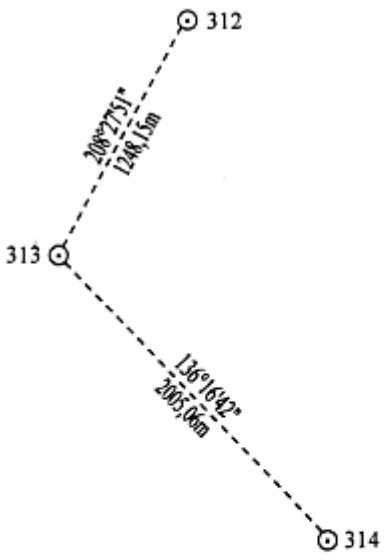
</td></tr>
</table>

368

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 314

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 12 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
652,86</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 314 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 260 918,99
466 221,34</td><td rowspan="2">20°26'47,185"
104°40'34,187"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
651,66</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 313 đến mốc giới số 314 là 136°16'42"; khoảng cách là 2005,06m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 314 đến mốc giới số 315 là 131°05'42"; khoảng cách là 238,08m.</td><td colspan="3"> 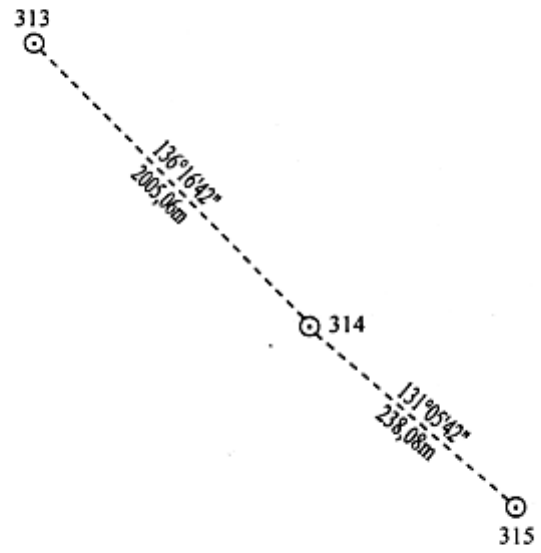
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 315

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 31 tháng 12 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
658,27</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 315 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 260 762,50
466 400,76</td><td rowspan="2">20°26'42,106"
104°40'40,390"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
657,07</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 314 đến mốc giới số 315 là 131°05'42"; khoảng cách là 238,08m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 315 đến mốc giới số 316 là 131°42'44"; khoảng cách là 2718,63m.</td><td colspan="3"> 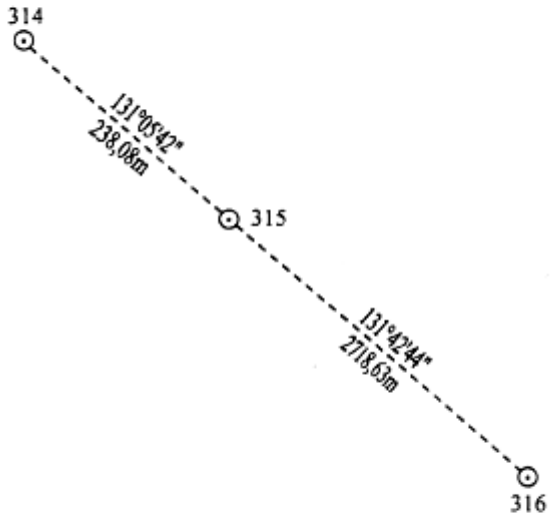
</td></tr>
</table>

370

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 316

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 11 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1118,61</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 316 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 258 953,55
468 430,20</td><td rowspan="2">20°25'43,386"
104°41'50,546"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1117,41</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 315 đến mốc giới số 316 là 131°42'44"; khoảng cách là 2718,63m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 316 đến mốc giới số 317 là 152°15'41"; khoảng cách là 1511,46m.</td><td colspan="3"> 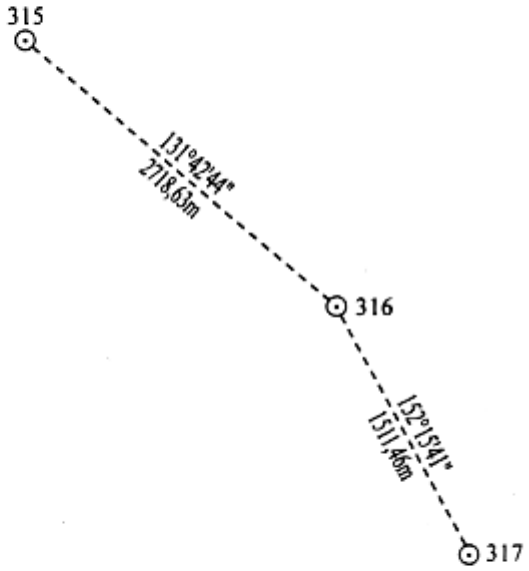
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 317

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1167,86</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m). Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 317 cắm trên sườn núi, cạnh đường mòn, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 257 615.79
469 133,69</td><td rowspan="2">20°24'59,911"
104°42'14,906"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1166,66</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 316 đến mốc giới số 317 là 152°15'41"; khoảng cách là 1511,46m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 317 đến mốc giới số 318 là 138°55'12"; khoảng cách là 892,63m.</td><td colspan="3"> 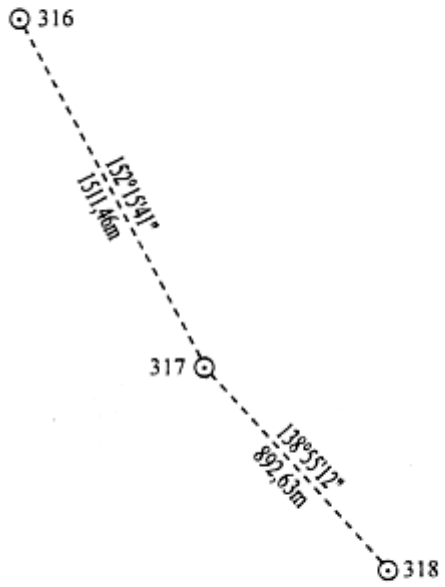
</td></tr>
</table>

372

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 318

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 01 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
808,37</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 318 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 256 942,93
469 720,25</td><td rowspan="2">20°24'38,056"
104°42'35,187"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
807,17</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 317 đến mốc giới số 318 là 138°55'12"; khoảng cách là 892,63m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 318 đến mốc giới số 319 là 111°19'25"; khoảng cách là 1064,28m.</td><td colspan="3"> 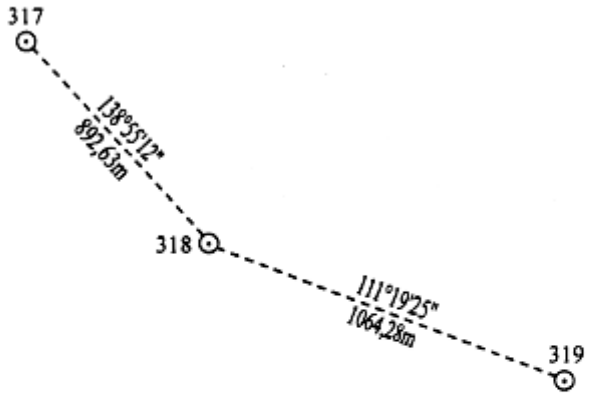
</td></tr>
</table>

373

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 319

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 7 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
629,18</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 319 cắm trên bờ suối Khiết, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 256 555,92
470 711,67</td><td rowspan="2">20°24'25.523"
104°43'09,419"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
627,68</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 318 đến mốc giới số 319 là 111°19'25"; khoảng cách là 1064,28m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 319 đến mốc giới số 320 là 229°04'40"; khoảng cách là 1477,97m.</td><td colspan="3"> 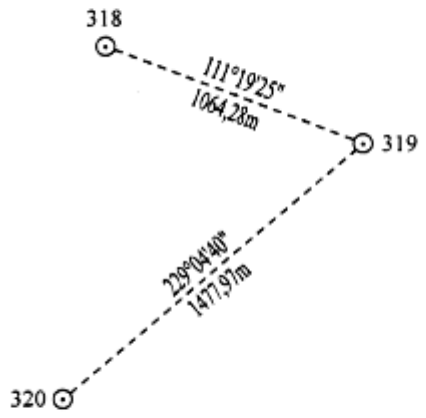
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 320

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 24 tháng 4 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
945,58</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 320 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 255 587,80
469 594,92</td><td rowspan="2">20°23'53,967"
104°42'30,945"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
944,38</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 319 đến mốc giới số 320 là 229°04'40"; khoảng cách là 1477,97m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 320 đến mốc giới số 321 là 282°37'51"; khoảng cách là 2671,48m.</td><td colspan="3"> 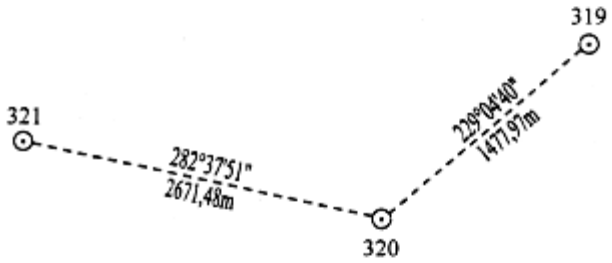
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 321

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 12 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
944,84</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 321 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 256 171,97
466 988,09</td><td rowspan="2">20°24'12,813"
104°41'00,965"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
943,64</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 320 đến mốc giới số 321 là 282°37'51"; khoảng cách là 2671,48m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 321 đến mốc giới số 322 là 214°36'38"; khoảng cách là 1710,74m.</td><td colspan="3"> 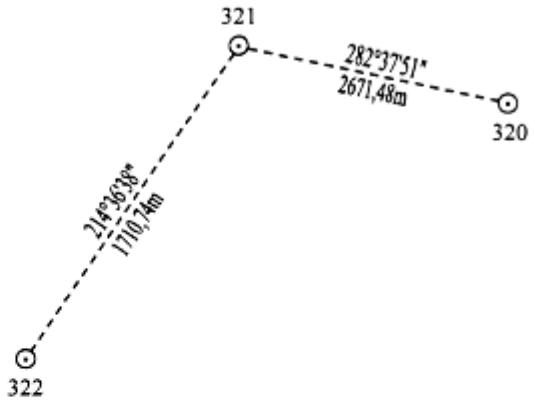
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 322

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 4 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
761,02</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 322 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 254 763,98
466 016,40</td><td rowspan="2">20°23'26,949"
104°40'27,535"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
759,52</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 321 đến mốc giới số 322 là 214°36'38"; khoảng cách là 1710,74m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 322 đến mốc giới số 323 là 241°29'03"; khoảng cách là 1752,66m.</td><td colspan="3"> 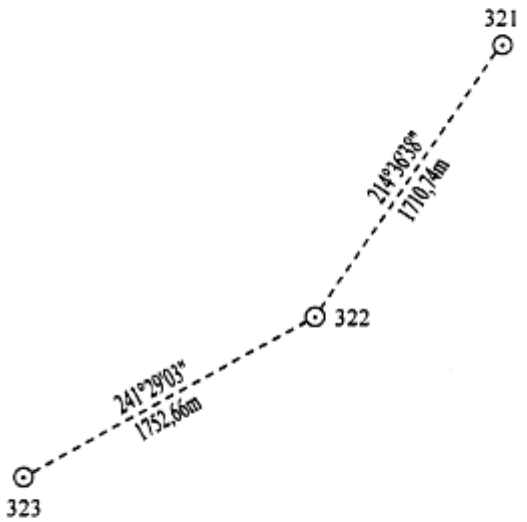
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 323

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 4 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1058,41</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B. L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 323 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 253 927,26
464 476,36</td><td rowspan="2">20°22'59,629"
104°39'34,462"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1057,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 322 đến mốc giới số 323 là 241°29'03"; khoảng cách là 1752,66m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 323 đến mốc giới số 324 là 242°15'34"; khoảng cách là 3424,80m.</td><td colspan="3"> 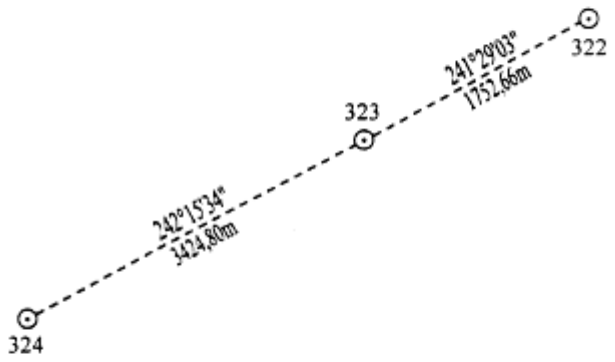
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 324

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1065,93</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 324 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 252 333,12
461 445,19</td><td rowspan="2">20°22'07,559"
104°37'50,015"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1064,73</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 323 đến mốc giới số 324 là 242°15'34"; khoảng cách là 3424,80m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 324 đến mốc giới số 325 là 237°35'22"; khoảng cách là 1269,57m.</td><td colspan="3"> 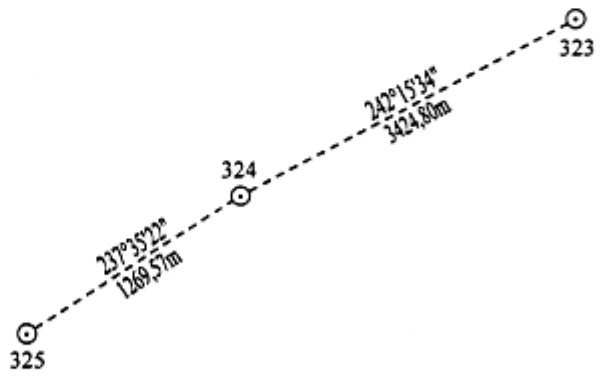
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 325

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1476.88</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 325 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 251 652,65
460 373,38</td><td rowspan="2">20°21'45.344"
104°37'13.096"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1475.38</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 324 đến mốc giới số 325 là 237°35'22"; khoảng cách là 1269,57m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 325 đến cọc dấu số 325/1(1) là 192°04'12"; khoảng cách là 1861,12m.</td><td colspan="3"> 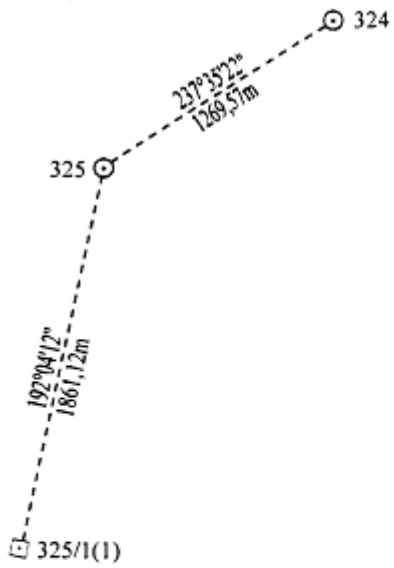
</td></tr>
</table>

380

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 325/1(1)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 01 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
811,45</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 325/1(1) cắm trên bờ suối Ta Ngươn (suối Sàng) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/1(2) là 25,27m.
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/1(1) là 16,88m.</td><td rowspan="2">2 249 832,67
459 984,21</td><td rowspan="2">20°20'46,111"
104°36'59,818"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
810,45</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 325 đến cọc dấu số 325/1(1) là 192°04'12"; khoảng cách là 1861,12m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/1(1) đến cọc dấu số 325/1(2) là 262°28'42"; khoảng cách là 42,15m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/1(1) đến cọc dấu số 325/2(1) là 175°16'17"; khoảng cách là 3061,12m.</td><td colspan="3"> 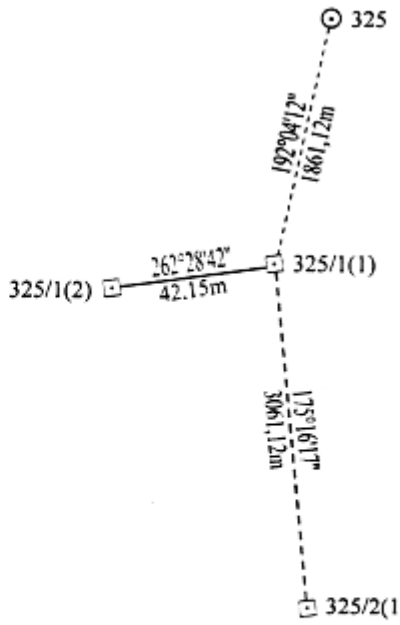
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 325/1(2)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 01 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
806,31</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 325/1(2) cắm trên bờ suối Ta Ngươn (suối Sàng) phía Lào.
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/1(2) là 25,27m.
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/1(1) là 16,88m.</td><td rowspan="2">2 249 827,16
459 942,48</td><td rowspan="2">20°20'45,928"
104°36'58,379"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
805,31</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 325 đến cọc dấu số 325/1(2) là 193°16'53"; khoảng cách là 1875,66m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/1(1) đến cọc dấu số 325/1(2) là 262°28'42"; khoảng cách là 42,15m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/1(2) đến cọc dấu số 325/2(1) là 174°29'03"; khoảng cách là 3059,36m.</td><td colspan="3"> 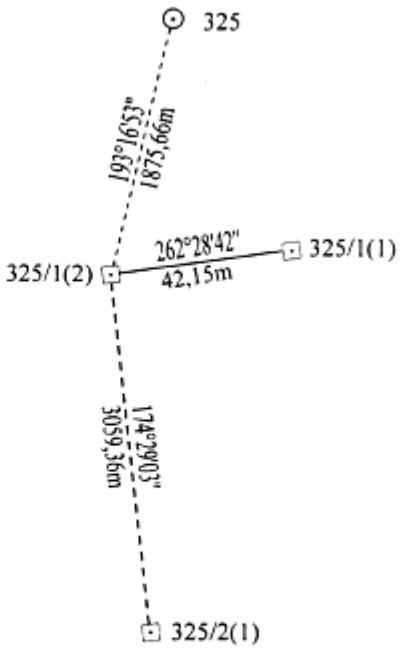
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 325/2(1)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 01 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
464,64</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 325/2(1) cắm trên bờ suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/2(2) là 26,47m;
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/2(1) là 18,48m.</td><td rowspan="2">2 246 781,97
460 236.55</td><td rowspan="2">20°19'06,890"
104°37'08,765"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
463,64</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/1(2) đến cọc dấu số 325/2(1) là 174°29'03"; khoảng cách là 3059,36m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/2(1) đến cọc dấu số 325/2(2) là 334°28'43"; khoảng cách là 44,95m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/2(1) đến cột mốc số 326(1) là 183°17'35"; khoảng cách là 2116,58m.</td><td colspan="3"> 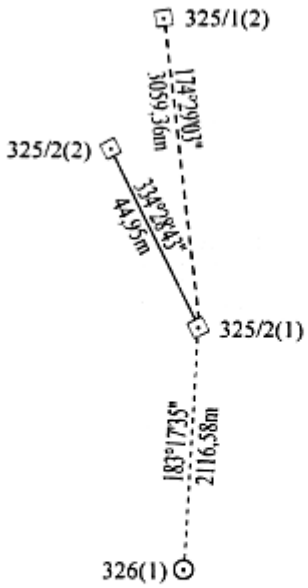
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 325/2(2)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 14 tháng 01 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
460,59</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 325/2(2) cắm trên bờ suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) phía Lào.
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/2(2) là 26,47m;
Khoảng cách từ cọc dấu số 325/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 325/2(1) là 18,48m.</td><td rowspan="2">2 246 822,52
460 217,19</td><td rowspan="2">20°19'08,208"
104°37'08,094"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
459,59</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/1(2) đến cọc dấu số 325/2(2) là 174°46'34"; khoảng cách là 3017,17m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/2(1) đến cọc dấu số 325/2(2) là 334°28'43"; khoảng cách là 44,95m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/2(2) đến cột mốc số 326(1) là 182°43'03"; khoảng cách là 2156,06m.</td><td colspan="3"> 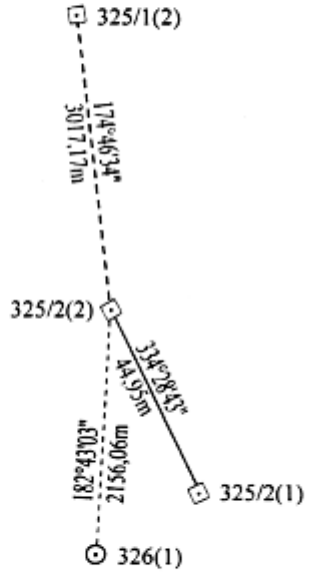
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 326(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
347,37</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td colspan="2">Cột mốc số 326(1) cắm trên bờ suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) và suối Phun phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) và suối Phun.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(2) là 50,63m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(1) là 61,04m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(3) là 25,41m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(1) là 30,68m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) và trung tuyến dòng chảy suối Phun là 56,80m.</td><td>2 244 668,88
460 114,97</td><td>20°17'58,142"
104°37'04,740"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20

Độ cao mặt đất
(m)
346,17</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td colspan="2">Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/2(2) đến cột mốc số 326(1) là 182°43'03"; khoảng cách là 2156,06m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(1) đến cột mốc số 326(2) là 185°41'58"; khoảng cách là 111,67m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(1) đến cột mốc số 326(3) là 256°04'22"; khoảng cách là 56,09m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(2) đến cột mốc số 326(3) là 336°03'20"; khoảng cách là 106,81m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(1) đến cột mốc số 327(1) là 128°10'50"; khoảng cách là 515,35m.</td><td colspan="2"> 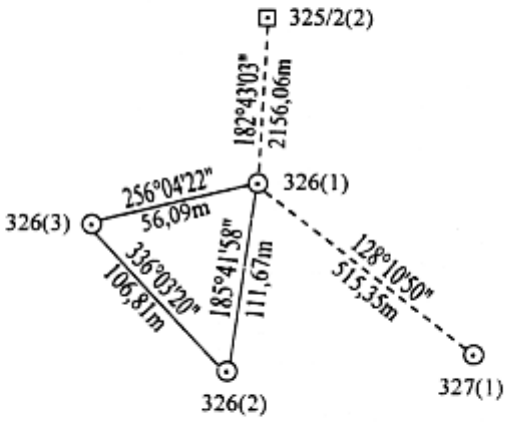
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 326(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
385,43</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 326(2) cắm trên bờ suối Phun phía Lào, cạnh đường giao thông, nơi giao nhau giữa suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) và suối Phun.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(2) là 50,63m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(1) là 61,04m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(3) là 25,41m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(1) là 30,68m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) và trung tuyến dòng chảy suối Phun là 56,60m.</td><td>2 244 557,76
460 103,88</td><td>20°17'54,526"
104°37'04,367"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20

Độ cao mặt đất
(m)
384,23</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/2(2) đến cột mốc số 326(2) là 182°51'51"; khoảng cách là 2267,59m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(1) đến cột mốc số 326(2) là 185°41'58"; khoảng cách là 111,67m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(1) đến cột mốc số 326(3) là 256°04'22"; khoảng cách là 56,09m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(2) đến cột mốc số 326(3) là 336°03'20"; khoảng cách là 106,81m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(2) đến cột mốc số 327(1) là 116°29'34"; khoảng cách là 465,02m.</td><td colspan="3"> 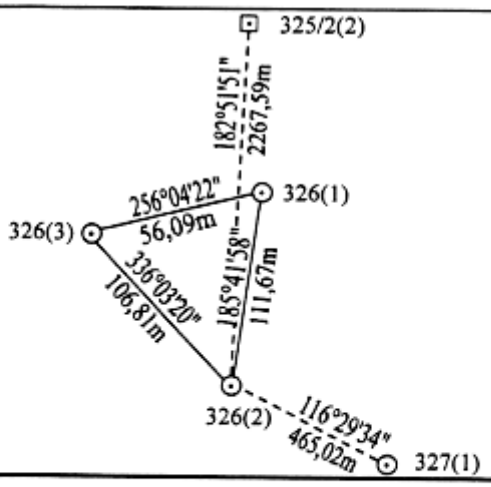
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 326(3)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
349,23</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td colspan="2">Cột mốc số 326(3) cắm trên bờ suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) phía Lào, nơi giao nhau giữa suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) và suối Phun.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(2) là 50,63m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(1) là 61,04m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(3) là 25,41m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 326(1) là 30,68m.
Khoảng cách từ cột mốc số 326(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy suối Ta Ngươn (suối Tà Ngơn) và trung tuyến dòng chảy suối Phun là 56,70m.</td><td>2 244 655,38
460 060,53</td><td>20°17'57,698"
104°37'02,865"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20

Độ cao mặt đất
(m)
348,03</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td colspan="2">Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 325/2(2) đến cột mốc số 326(3) là 184°08'05"; khoảng cách là 2172,80m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(1) đến cột mốc số 326(2) là 185°41'58"; khoảng cách là 111,67m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(1) đến cột mốc số 326(3) là 256°04'22"; khoảng cách là 56,09m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(2) đến cột mốc số 326(3) là 336°03'20"; khoảng cách là 106,81m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(3) đến cột mốc số 327(1) là 123°34'40"; khoảng cách là 551,58m.</td><td colspan="2"> 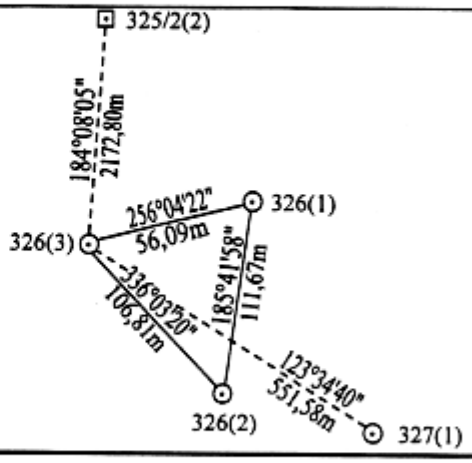
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 327(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số (mốc đại)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
340,06</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 327(1) cắm trên lãnh thổ phía Việt Nam, cạnh đường giao thông, cửa khẩu Quốc tế Na Mèo (Việt Nam) - Nậm Sôi (Lào).
Khoảng cách từ cột mốc số 327(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 327(2) là 72,25m.
Khoảng cách từ cột mốc số 327(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 327(1) là 71,77m.</td><td>2 244 350,32
460 520.07</td><td>20°17'47.809"
104°37'18.734"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
2,00

Độ cao mặt đất
(m)
338,06</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(3) đến cột mốc số 327(1) là 123°34'40"; khoảng cách là 551,58m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 327(1) đến cột mốc số 327(2) là 222°51'52"; khoảng cách là 144,02m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 327(1) đến cọc dấu số 327/1(1) là 210°07'00"; khoảng cách là 506,77m.</td><td colspan="3"> 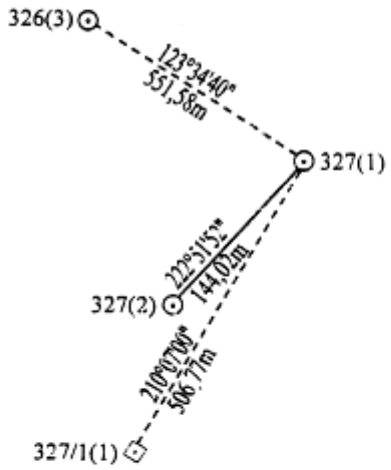
</td></tr>
</table>

388

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 327(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số (mốc đại)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
343,86</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 327(2) cắm trên lãnh thổ phía Lào, cạnh đường giao thông, cửa khẩu Quốc tế Na Mèo (Việt Nam) - Nậm Sôi (Lào).
Khoảng cách từ cột mốc số 327(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 327(2) là 72,25m.
Khoảng cách từ cột mốc số 327(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 327(1) là 71,77m.</td><td rowspan="2">2 244 244,76
460 422,10</td><td rowspan="2">20°17'44,368"
104°37'15,364"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
2.00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
341,86</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 326(3) đến cột mốc số 327(2) là 138°38'04"; khoảng cách là 547,12m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 327(1) đến cột mốc số 327(2) là 222°51'52"; khoảng cách là 144,02m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 327(2) đến cọc dấu số 327/1(1) là 205°09'31"; khoảng cách là 367,68m.</td><td colspan="3"> 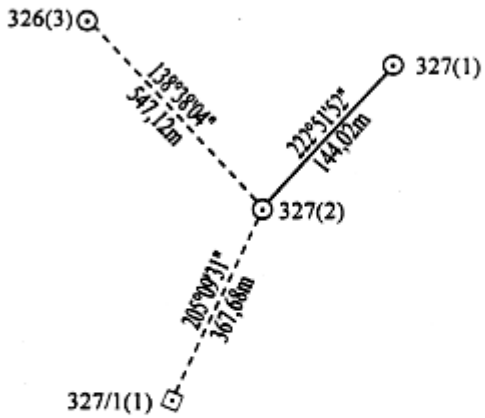
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 327/1(1)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
335,50</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 327/1(1) cắm trên bờ suối Nặm Sôi phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/1(2) là 30,18m.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/1(1) là 45,78m.</td><td rowspan="2">2 243 911,96
460 265,79</td><td rowspan="2">20°17'33,530"
104°37'10,001"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1.05</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
334,45</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 327(2) đến cọc dấu số 327/1(1) là 205°09'31"; khoảng cách là 367,68m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/1(1) đến cọc dấu số 327/1(2) là 21°05'44"; khoảng cách là 75,96m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/1(1) đến cọc dấu số 327/2(1) là 206°04'04"; khoảng cách là 1610,53m.</td><td colspan="3"> 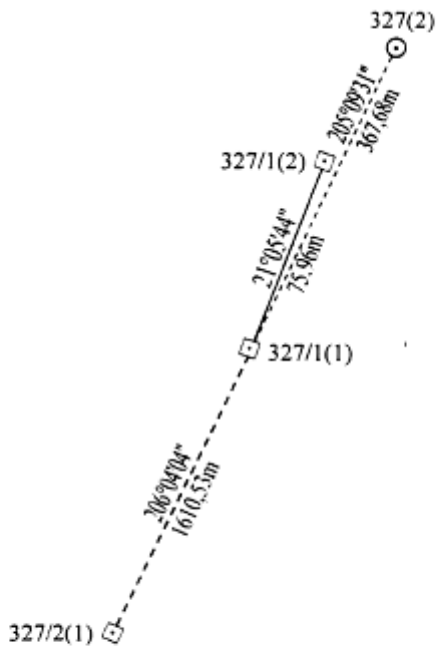
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 327/1(2)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
348,26</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m). Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 327/1(2) cắm trên bờ suối Nặm Sôi phía Lào.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/1(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/1(2) là 30,18m.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/1(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/1(1) là 45,78m.</td><td rowspan="2">2 243 982,83
460 293,13</td><td rowspan="2">20°17'35,838"
104°37'10,938"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,05</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
347,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 327(2) đến cọc dấu số 327/1(2) là 206°12'54"; khoảng cách là 291,96m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/1(1) đến cọc dấu số 327/1(2) là 21°05'44"; khoảng cách là 75,96m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/1(2) đến cọc dấu số 327/2(1) là 205°50'38"; khoảng cách là 1686,22m.</td><td colspan="3"> 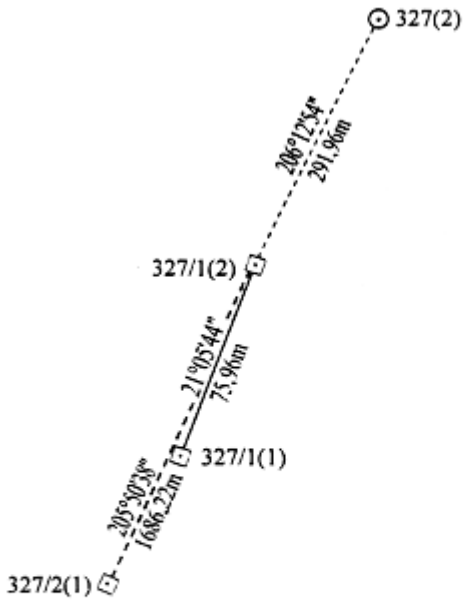
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 327/2(1)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
346,29</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 327/2(1) cắm trên bờ suối Nặm Sôi phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/2(2) là 49,63m.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/2(1) là 21,11m.</td><td rowspan="2">2 242 465,26
459 558,07</td><td rowspan="2">20°16'46,415"
104°36'45,717"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,05</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
345,24</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/1(2) đến cọc dấu số 327/2(1) là 205°50'38"; khoảng cách là 1686,22m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/2(1) đến cọc dấu số 327/2(2) là 277°21'58"; khoảng cách là 70,74m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/2(1) đến mốc giới số 328 là 195°20'45"; khoảng cách là 744,25m.</td><td colspan="3"> 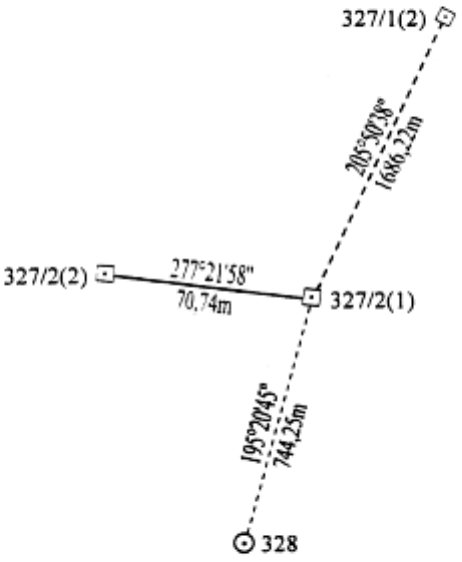
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 327/2(2)

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đôi cùng số</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 3 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
346,96</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 327/2(2) cắm trên bờ suối Nậm Sôi phía Lào.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/2(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/2(2) là 49,63m.
Khoảng cách từ cọc dấu số 327/2(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cọc dấu số 327/2(1) là 21,11m.</td><td rowspan="2">2 242 474,33
459 487,91</td><td rowspan="2">20°16'46,705"
104°36'43,297"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,05</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
345,91</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/1(2) đến cọc dấu số 327/2(2) là 208°05'34"; khoảng cách là 1709,96m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/2(1) đến cọc dấu số 327/2(2) là 277°21'58"; khoảng cách là 70,74m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/2(2) đến mốc giới số 328 là 189°53'48"; khoảng cách là 737,76m.</td><td colspan="3"> 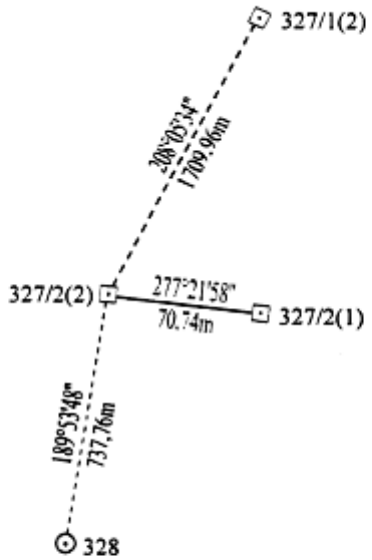
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 328

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
354,04</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 328 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 241 747,55
459 361,11</td><td rowspan="2">20°16'23,053"
104°36'38,985"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
352,54</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 327/2(2) đến mốc giới số 328 là 189°53'48"; khoảng cách là 737,76m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 328 đến mốc giới số 329 là 183°41'49"; khoảng cách là 1805,80m.</td><td colspan="3"> 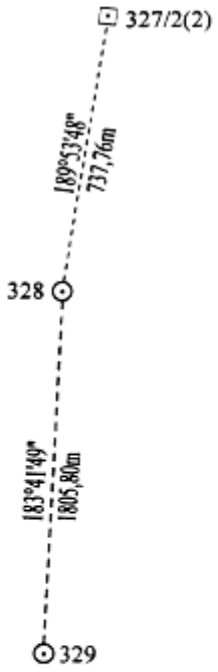
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 329

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 12 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
708,44</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 329 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 239 945,51
459 244,67</td><td rowspan="2">20°15'24,423"
104°36'35,117"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
707,24</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 328 đến mốc giới số 329 là 183°41'49"; khoảng cách là 1805,80m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 329 đến mốc giới số 330 là 164°32'07"; khoảng cách là 1343,16m.</td><td colspan="3"> 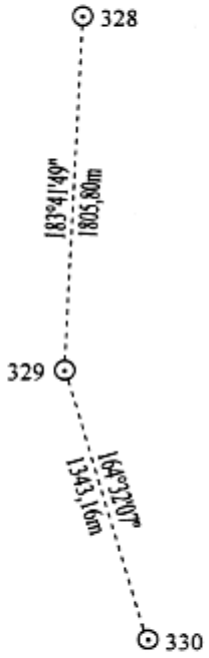
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 330

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 02 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1183,74</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 330 cắm trên đỉnh núi Cha Lung, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 238 650,98
459 602,82</td><td rowspan="2">20°14'42,339"
104°36'47,567"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1182,54</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 329 đến mốc giới số 330 là 164°32'07"; khoảng cách là 1343,16m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 330 đến mốc giới số 331 là 129°59'04"; khoảng cách là 2815,73m.</td><td colspan="3"> 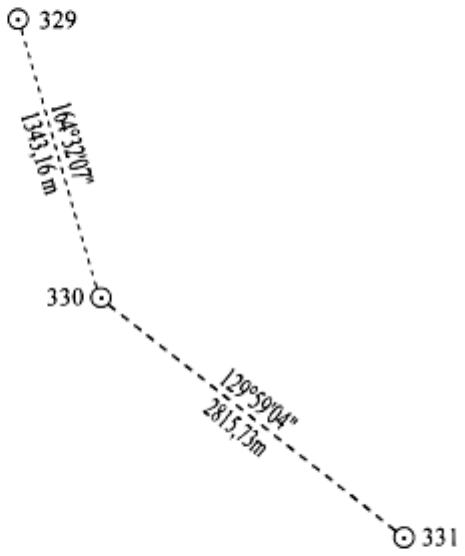
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 331

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 3 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
638,22</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 331 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 236 841,65
461 760,29</td><td rowspan="2">20°13'43,640"
104°38'02,069"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
636,72</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 330 đến mốc giới số 331 là 129°59'04"; khoảng cách là 2815,73m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 331 đến mốc giới số 332 là 80°46'11"; khoảng cách là 2869,31m.</td><td colspan="3"> 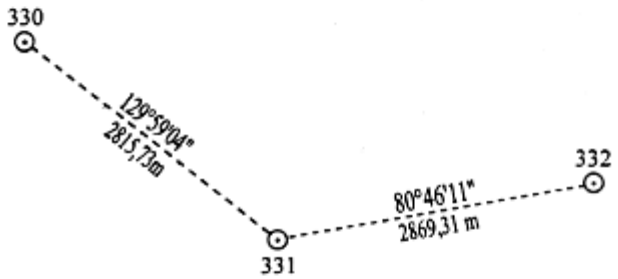
</td></tr>
</table>

397

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 332

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 3 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
969.21</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 332 cắm trên sống núi Buôm Nhung. trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 237 301,89
464 592,45</td><td rowspan="2">20°13'58,808"
104°39'39,645"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
968.01</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 331 đến mốc giới số 332 là 80°46'11"; khoảng cách là 2869,31m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 332 đến mốc giới số 333 là 155°19'22"; khoảng cách là 1794,64m.</td><td colspan="3"> 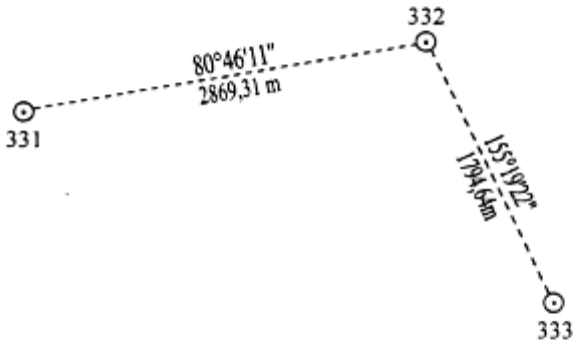
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 333

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 5 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1187,10</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 333 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 235 671,15
465 341,72</td><td rowspan="2">20°13'05,808"
104°40'05,582"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1185,90</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 332 đến mốc giới số 333 là 155°19'22"; khoảng cách là 1794,64m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 333 đến mốc giới số 334 là 90°48'51"; khoảng cách là 1775,13m.</td><td colspan="3"> 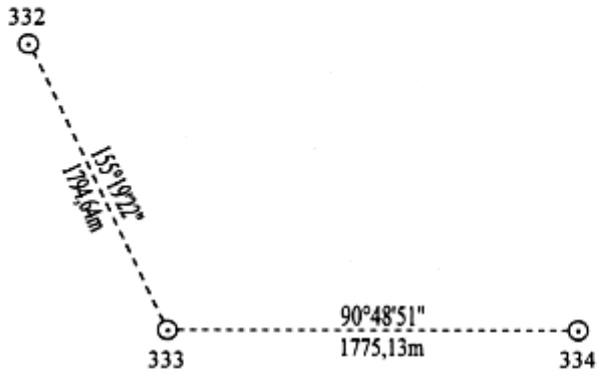
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 334

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 11 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1159,46</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 334 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 235 645,93
467 116,67</td><td rowspan="2">20°13'05,100"
104°41'06,752"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1158,26</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 333 đến mốc giới số 334 là 90°48'51"; khoảng cách là 1775,13m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 334 đến mốc giới số 335 là 113°12'03"; khoảng cách là 3410,78m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 335

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 18 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1277,68</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 335 cắm trên đỉnh núi. nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 234 302,23
470 251,62</td><td rowspan="2">20°12'21,573"
104°42'54,869"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1276,48</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 334 đến mốc giới số 335 là 113°12'03"; khoảng cách là 3410,78m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 335 đến mốc giới số 336 là 102°25'04"; khoảng cách là 3289,56m.</td><td colspan="3"> 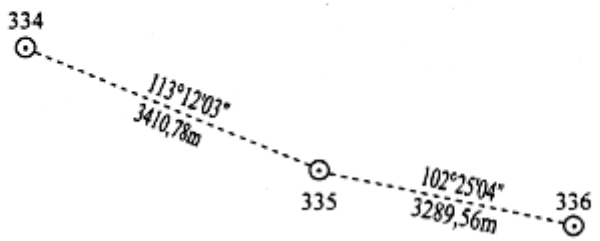
</td></tr>
</table>

401

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 336

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1348,41</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 336 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td>2 233 594,85
473 464,22</td><td>20°11'58,731"
104°44'45,612"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20

Độ cao mặt đất
(m)
1347,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 335 đến mốc giới số 336 là 102°25'04"; khoảng cách là 3289,56m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 336 đến mốc giới số 337 là 88°17'04"; khoảng cách là 2337,56m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 337

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 11 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1420,03</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 337 cắm trên đỉnh núi Sảm Liềm, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 233 664,83
475 800,73</td><td rowspan="2">20°12'01,119"
104°46'06,121"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1418,53</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 336 đến mốc giới số 337 là 88°17'04"; khoảng cách là 2337,56m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 337 đến mốc giới số 338 là 122°47'36"; khoảng cách là 3563,51m.</td><td colspan="3"> 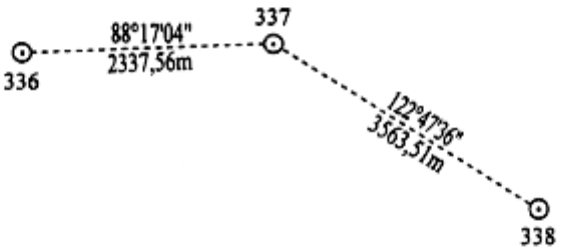
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 338

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 11 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1135,76</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 338 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 231 734,79
478 796,32</td><td rowspan="2">20°10'58,460"
104°47'49,427"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1134,56</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 337 đến mốc giới số 338 là 122°47'36"; khoảng cách là 3563,51m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 338 đến mốc giới số 339 là 119°31'12"; khoảng cách là 2861,90m.</td><td colspan="3"> 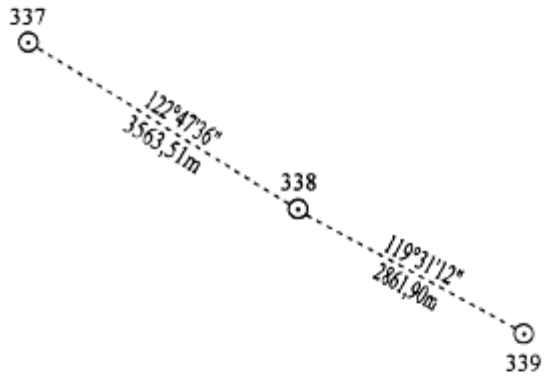
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 339

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 5 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1145,47</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 339 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 230 324,66
481 286,70</td><td rowspan="2">20°10'12,679"
104°49'15,285"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1144,27</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 338 đến mốc giới số 339 là 119°31'12"; khoảng cách là 2861,90m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 339 đến mốc giới số 340 là 135°26'25"; khoảng cách là 2081,84m.</td><td colspan="3"> 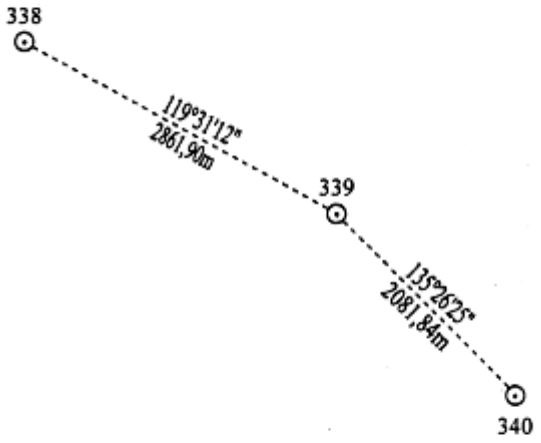
</td></tr>
</table>

405

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 340

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
803,13</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 340 cắm trên đỉnh núi Hao, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 228 841,31
482 747,43</td><td rowspan="2">20°09'24,473"
104°50'05,661"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
801,93</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 339 đến mốc giới số 340 là 135°26'25"; khoảng cách là 2081,84m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 340 đến mốc giới số 341 là 139°35'12"; khoảng cách là 1038,38m.</td><td colspan="3"> 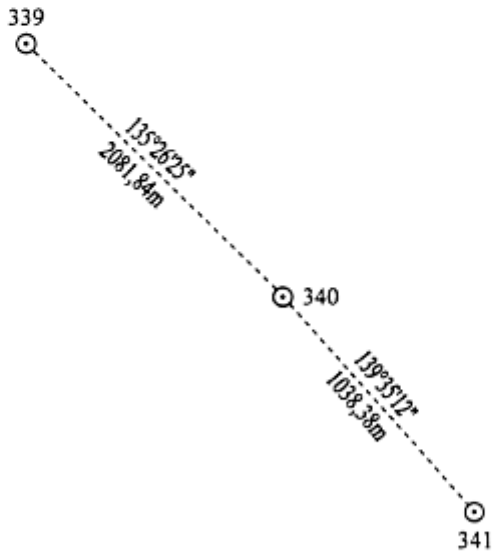
</td></tr>
</table>

406

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 341

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 24 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
411,24</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 341 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 228 050,70
483 420,61</td><td rowspan="2">20°08'58,775"
104°50'28,877"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
410,04</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 340 đến mốc giới số 341 là 139°35'12"; khoảng cách là 1038,38m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 341 đến cột mốc số 342 là 99°28'40"; khoảng cách là 1526,42m.</td><td colspan="3"> 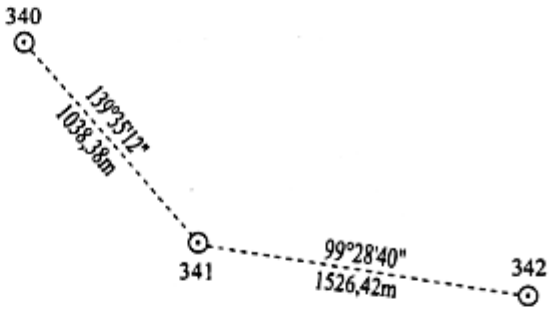
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 342

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 7 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
243,28</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cột mốc số 342 cắm trên bờ suối Áng Ngước Nọi phía Việt Nam, cách đường biên giới 5,00m, góc phương vị 234°00'00".</td><td rowspan="2">2 227 799,35
484 926,19</td><td rowspan="2">20°08'50,643"
104°51'20,749"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
6.50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
236,78</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 341 đến cột mốc số 342 là 99°28'40"; khoảng cách là 1526,42m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 342 đến mốc giới số 343 là 118°15'44"; khoảng cách là 1069,60m.</td><td colspan="3"> 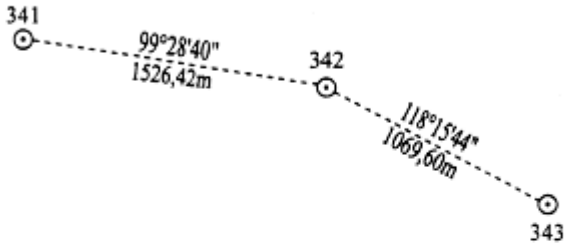
</td></tr>
</table>

408

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 343

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
614,93</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 343 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 227 292.89
485 868,28</td><td rowspan="2">20°08'34,193"
104°51'53,215"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
613,73</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 342 đến mốc giới số 343 là 118°15'44"; khoảng cách là 1069,60m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 343 đến mốc giới số 344 là 82°31'54"; khoảng cách là 3452,23m.</td><td colspan="3"> 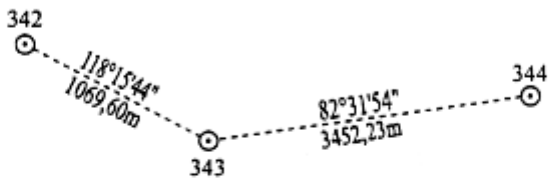
</td></tr>
</table>

409

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 344

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 24 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
948,57</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 344 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 227 741,61
489 291,22</td><td rowspan="2">20°08'48,870"
104°53'51,113"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
947,37</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 343 đến mốc giới số 344 là 82°31'54"; khoảng cách là 3452,23m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 344 đến mốc giới số 345 là 67°06'56"; khoảng cách là 3325,77m.</td><td colspan="3"> 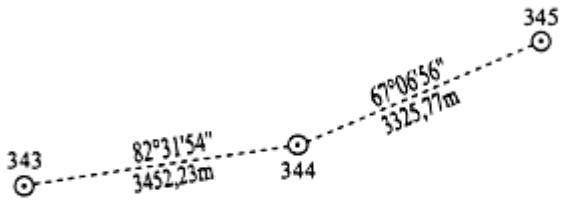
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 345

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 3 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1332,99</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 345 cắm trên đỉnh núi Phả Mựt, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 229 034,92
492 355,22</td><td rowspan="2">20°09'30,996"
104°55'36,639"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1.20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1331,79</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 344 đến mốc giới số 345 là 67°06'56"; khoảng cách là 3325,77m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 345 đến mốc giới số 346 là 202°03'40"; khoảng cách là 1563,47m.</td><td colspan="3"> 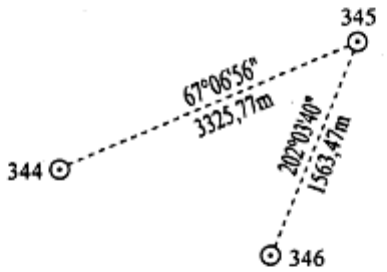
</td></tr>
</table>

411

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 346

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 03 tháng 8 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1130,41</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 346 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 227 585,92
491 767,99</td><td rowspan="2">20°08'43,849"
104°55'16,433"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1129,21</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 345 đến mốc giới số 346 là 202°03'40"; khoảng cách là 1563,47m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 346 đến mốc giới số 347 là 145°21'41"; khoảng cách là 2300,93m.</td><td colspan="3"> 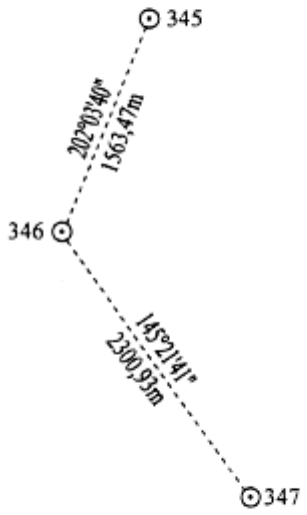
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 347

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 5 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1173,60</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 347 cắm trên đỉnh núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 225 692,82
493 075,84</td><td rowspan="2">20°07'42,282"
104°56'01,510"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1172,40</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 346 đến mốc giới số 347 là 145°21'41"; khoảng cách là 2300,93m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 347 đến mốc giới số 348 là 122°06'36"; khoảng cách là 3407,09m.</td><td colspan="3"> 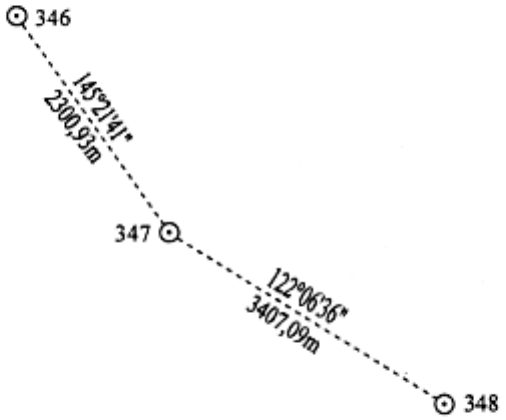
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 348

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 9 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
995,79</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 348 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 223 881,79
495 961,74</td><td rowspan="2">20°06'43,396"
104°57'40,924"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
994,59</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 347 đến mốc giới số 348 là 122°06'36"; khoảng cách là 3407,09m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 348 đến mốc giới số 349 là 148°32'34"; khoảng cách là 1622,52m.</td><td colspan="3"> 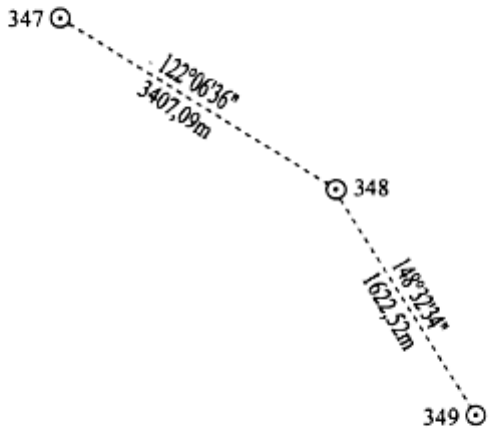
</td></tr>
</table>

414

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 349

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 7 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
729,63</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 349 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 222 497,73
496 808,47</td><td rowspan="2">20°05'58,375"
104°58'10,094"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
728,43</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 348 đến mốc giới số 349 là 148°32'34"; khoảng cách là 1622,52m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 349 đến mốc giới số 350 là 102°53'58"; khoảng cách là 2490,15m</td><td colspan="3"> 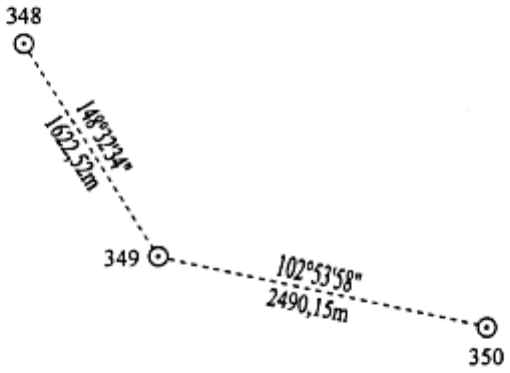
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 350

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1042,18</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 350 cắm trên sống núi Sần Nang Phạt, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 221 941,83
499 235,78</td><td rowspan="2">20°05'40,300"
104°59'33,683"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1040,68</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 349 đến mốc giới số 350 là 102°53'58"; khoảng cách là 2490,15m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 350 đến mốc giới số 351 là 231°05'47"; khoảng cách là 1630,22m.</td><td colspan="3"> 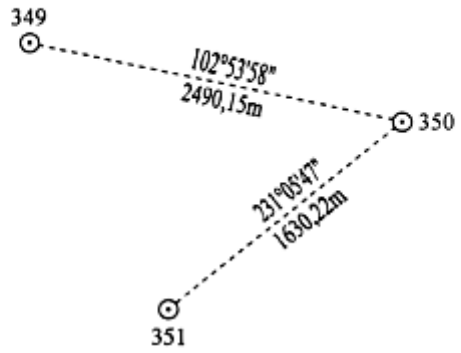
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 351

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 11 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
966,26</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 351 cắm trên đỉnh núi Săn Co Peng, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 220 918,03
497 967,14</td><td rowspan="2">20°05'06,991"
104°58'50,001"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
965,06</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 350 đến mốc giới số 351 là 231°05'47"; khoảng cách là 1630,22m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 351 đến cọc dấu số 351/1 là 197°09'02"; khoảng cách là 2494,88m.</td><td colspan="3"> 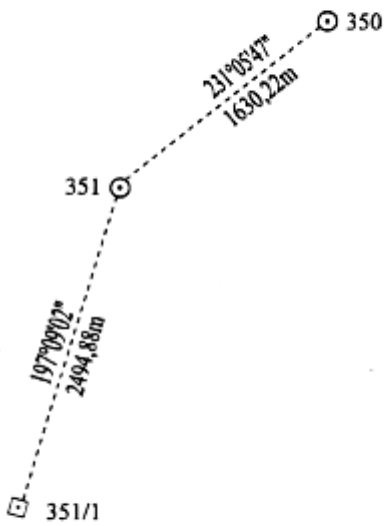
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỌC DẤU SỐ 351/1

<table>
<tr><td>Loại hình cọc dấu</td><td>Vật liệu làm cọc dấu</td><td colspan="2">Thời gian cắm cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Cọc dấu đơn</td><td>Bê-tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 01 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí cọc dấu</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
570,53</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Cọc dấu số 351/1 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 218 534,09
497 231,44</td><td rowspan="2">20°03'49,434"
104°58'24,681"</td><td>Chiều cao cọc dấu
(m)
1,00</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
569,53</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí cọc dấu</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 351 đến cọc dấu số 351/1 là 197°09'02"; khoảng cách là 2494,88m.
Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 351/1 đến mốc giới số 352 là 207°30'01"; khoảng cách là 204,68m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 352

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 12 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
548,07</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 352 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 218 352,54
497 136,93</td><td rowspan="2">20°03'43,527"
104°58'21,429"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
546,87</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị, khoảng cách giữa mốc và cọc dấu</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cọc dấu số 351/1 đến mốc giới số 352 là 207°30'01"; khoảng cách là 204,68m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 352 đến mốc giới số 353 là 236°11'31"; khoảng cách là 1321,39m.</td><td colspan="3"> 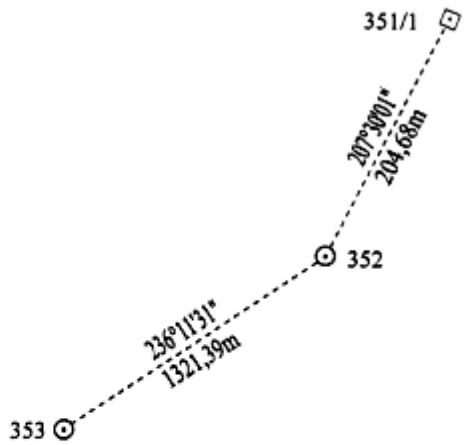
</td></tr>
</table>

419

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 353

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 5 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
637,73</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td>Mốc giới số 353 cắm trên sống núi, cạnh đường giao thông, trên đường biên giới.</td><td>2 217 617,30
496 038,98</td><td>20°03'19,601"
104°57'43,633"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50

Độ cao mặt đất
(m)
636,23</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 352 đến mốc giới số 353 là 236°11'31"; khoảng cách là 1321,39m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 353 đến mốc giới số 354 là 236°41'57"; khoảng cách là 1640,82m.</td><td colspan="3"> 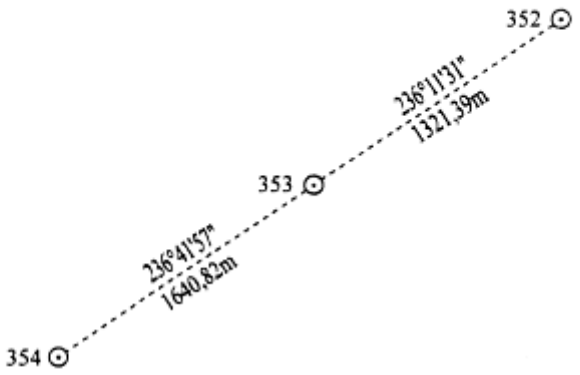
</td></tr>
</table>

420

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 354

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1170,25</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 354 cắm trên đỉnh núi Phù Huột, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 216 716,43
494 667,58</td><td rowspan="2">20°02'50,282"
104°56'56,429"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1169,05</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 353 đến mốc giới số 354 là 236°41'57"; khoảng cách là 1640,82m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 354 đến mốc giới số 355 là 229°37'57"; khoảng cách là 2016,14m</td><td colspan="3"> 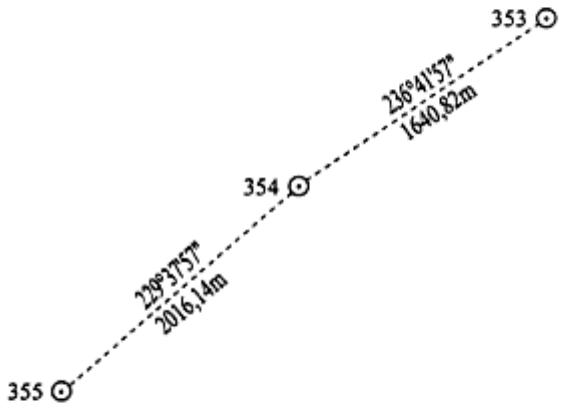
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 355

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 01 năm 2013</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
591,09</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 355 cắm trên bờ suối Sạy Kày (suối Canh Cóm) trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 215 410,60
493 131,47</td><td rowspan="2">20°02'07,784"
104°56'03,566"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
589,59</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 354 đến mốc giới số 355 là 229°37'57"; khoảng cách là 2016,14m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 355 đến mốc giới số 356 là 217°35'06"; khoảng cách là 2733,80m.</td><td colspan="3"> 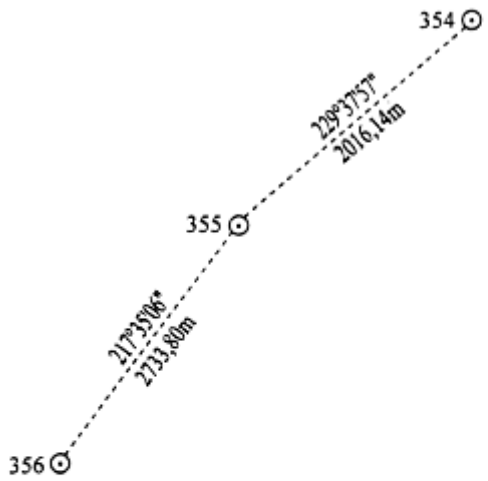
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 356

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1120,07</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 356 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 213 244,20
491 464,02</td><td rowspan="2">20°00'57,283"
104°55'06,204"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1118,87</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 355 đến mốc giới số 356 là 217°35'06"; khoảng cách là 2733,80m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 356 đến mốc giới số 357 là 191°40'14"; khoảng cách là 1031,18m.</td><td colspan="3"> 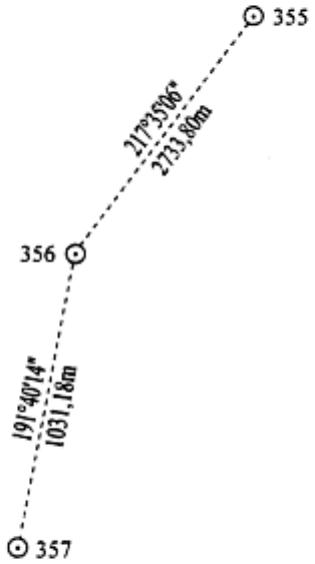
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 357

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 12 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1007,19</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 357 cắm trên yên ngựa, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 212 234,34
491 255,43</td><td rowspan="2">20°00'24,427"
104°54'59,042"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1005,99</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 356 đến mốc giới số 357 là 191°40'14"; khoảng cách là 1031,18m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 357 đến mốc giới số 358 là 152°31'56"; khoảng cách là 1109,48m.</td><td colspan="3"> 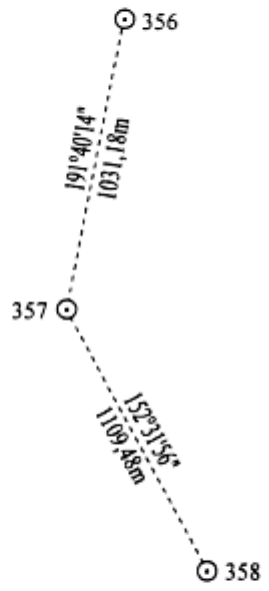
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 358

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 5 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
1203,23</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 358 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 211 249,93
491 767,18</td><td rowspan="2">19°59'52,410"
104°55'16,670"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
1201,73</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 357 đến mốc giới số 358 là 152°31'56"; khoảng cách là 1109,48m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 358 đến mốc giới số 359 là 222°39'37"; khoảng cách là 12204,08m.</td><td colspan="3"> 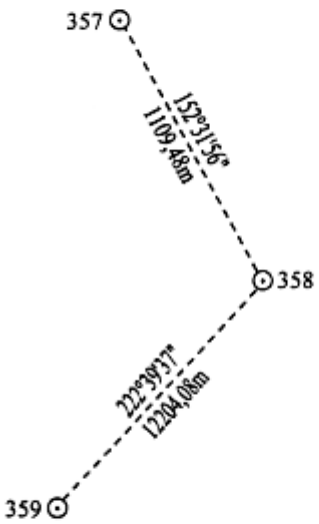
</td></tr>
</table>

425

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 359

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc trung)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
318,24</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 359 cắm trên sống núi, trên đường biên giới.</td><td rowspan="2">2 202 275,24
483 497,08</td><td rowspan="2">19°55'00,254"
104°50'32,349"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,50</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
316,74</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 358 đến mốc giới số 359 là 222°39'37"; khoảng cách là 12204,08m
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 359 đến mốc giới số 360 là 121°08'13"; khoảng cách là 1050,47m.</td><td colspan="3"> 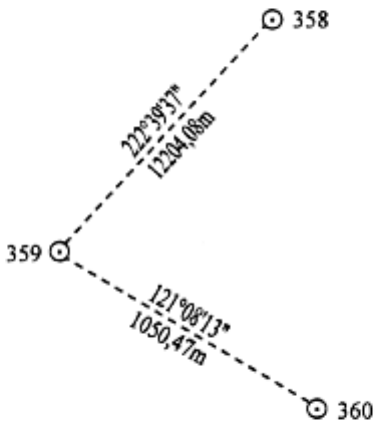
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 360

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 3 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
681,60</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 360 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 201 732,06
484 396,21</td><td rowspan="2">19°54'42,610"
104°51'03,293"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
680,40</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 359 đến mốc giới số 360 là 121°08'13"; khoảng cách là 1050,47m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 360 đến mốc giới số 361 là 199°34'39"; khoảng cách là 2898,58m.</td><td colspan="3"> 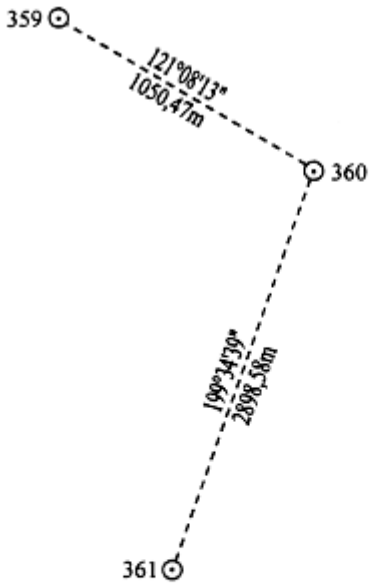
</td></tr>
</table>

427

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 361

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiêu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 5 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
686,02</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 361 cắm trên đỉnh núi, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 199 001,05
483 424,95</td><td rowspan="2">19°53'13,735"
104°50'29,974"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
684,82</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 360 đến mốc giới số 361 là 199°34'39"; khoảng cách là 2898,58m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 361 đến mốc giới số 362 là 152°31'31"; khoảng cách là 1907,70m.</td><td colspan="3"> 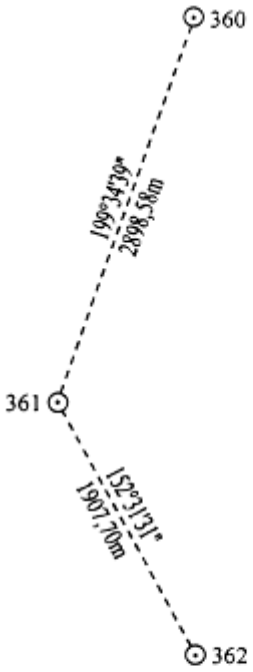
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 362

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn (mốc tiểu)</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 5 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(m)
838,88</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m), Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B, L</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Mốc giới số 362 cắm trên đỉnh núi Nốc Xum, nơi đường biên giới chuyển hướng.</td><td rowspan="2">2 197 308,51
484 305,08</td><td rowspan="2">19°52'18,699"
104°51'00,294"</td><td>Chiều cao mốc
(m)
1,20</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)
837,68</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ mốc giới số 361 đến mốc giới số 362 là 152°31'31"; khoảng cách là 1907,70m.
Góc phương vị tọa độ mốc giới số 362 đến mốc giới số 363 là 223°28'16"; khoảng cách là 2089,81m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

429

(Xem tiếp Công báo số 1019 + 1020)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng